TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN **THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 10 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đồng Xuân Dũng

Ông Phạm Công Hạ

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 518/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lưu Thị D; địa chỉ: Thôn 1, xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Tô Văn T; địa chỉ: Thôn 1, xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Lưu Thị D và anh Tô Văn T xây dựng hạnh phúc với nhau vào năm 1998, do tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong việc làm kinh tế dẫn đến vợ

chồng thường xuyên xảy ra xích mích và đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Chị Lưu Thị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh Tô Văn T. Vợ chồng có hai con chung tên Tô Mạnh P, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2001 và Tô Mạnh Q, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2003. Hiện nay chị Lưu Thị D đang nuôi cả hai con. Khi ly hôn chị Lưu Thị D xin được nuôi cả hai con. Về cấp dưỡng cho con, chị Lưu Thị D trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị Lưu Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến và đề nghị của bị đơn: Anh Tô Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản và các quyết định tố tụng nhưng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Lưu Thị D được ly hôn. Giao cho chị Lưu Thị D trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng cho con và tài sản chung không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Lưu Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Giấy chứng nhận kết hôn số 91/2002 ngày 28 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng xác định chị Lưu Thị D và anh Tô Văn T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28 tháng 10 năm 2002 theo Nghị định số 77/2001/NĐ-CP, hôn nhân có hiệu lực từ ngày 16 tháng 9 năm 1998; trích lục khai sinh của con chung, bản sao giấy khai sinh của con, bản sao căn cước dân, bản sao sổ hộ khẩu; tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp và vợ chồng ly thân nhau, anh Tô Văn T hiện vẫn cư trú tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lưu Thị D và anh Tô Văn T được xác lập vào năm 1998 là hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh Tô Văn T nhiều lần để hòa giải nhưng anh Tô Văn T đều vắng mặt, điều này thể hiện anh Tô Văn T không có mong muốn hòa giải. Chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của chị Lưu Thị D là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên tên Tô Mạnh P, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2001 và Tô Mạnh Q, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2003. Khi ly hôn, chị Lưu Thị D xin được nuôi con. Xét thấy, hiện nay chị Lưu Thị D đang nuôi con ổn định và chị Lưu Thị D có điều kiện để nuôi con nên giao con cho chị Lưu Thị D nuôi là phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con, chị Lưu Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Lưu Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chị Lưu Thị D được ly hôn anh Tô Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lưu Thị D trực tiếp nuôi hai con chung tên Tô Mạnh P, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2001 và Tô Mạnh Q, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2003. Việc nuôi con được thực hiện cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002719 ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; chị Lưu Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã BH, huyện NT;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn